

Số: 02/2019/QĐPT-DS

Hưng Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc “Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Vũ Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Thực

Ông Trương Quang Tú

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 35/2019/TLPT - VDS ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc “*Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự*”

Do Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 19/2019/QĐST-DS ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 34/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Ông Đàm Văn N, sinh năm 1958;

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đàm Văn N: Luật sư Nguyễn Khắc Anh - Văn phòng luật sư Hoàng Gia - Đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Đàm Văn A, sinh năm 1967;

- Bà Đàm Thị M, sinh năm 1963;

Đều trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

- Bà Đàm Thị T, sinh năm 1961;

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

* **Người kháng cáo:** Ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Đàm Văn N trình bày:

Bố ông là cụ Đàm Văn C hy sinh năm 1970 và mẹ là cụ Nguyễn Thị S sinh được 05 người con gồm: Ông, bà Đàm Thị D(đã chết), bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M, ông Đàm Văn A. Sau khi bố ông chết, do suy nghĩ nhiều nên mẹ ông phát bệnh điên vào năm 1971. Biểu hiện là ít ngủ, lẫn thần, không quan hệ giao tiếp với ai, suốt ngày lấy quần áo của chồng ra mặc, nhìn thấy ai mặc quần áo bộ đội là nhận làm chồng và ôm lấy họ rồi khóc. Có thời gian còn không mặc quần áo đi lang thang ngoài đường. Khi bệnh nặng cụ chửi bới suốt ngày đêm, có lúc lại gào thét, xé quần áo. Năm 1974 gia đình ông cho cụ đi điều trị tại Bệnh viện tâm thần kinh Gia Lộc - Hải Dương nhưng không khỏi. Đến năm 1976 cụ mất tích 2 năm, sau đó cụ tự về. Năm 2006 cụ chửi bới nhiều nên gia đình cho cụ điều trị tại bệnh viện tâm thần kinh Hưng Yên một năm. Đến nay bệnh của cụ không khỏi, ông phải giữ cụ ở trong nhà vì sợ cụ ra ngoài bị lạc. Từ năm 2015 cụ S được Nhà nước trợ cấp đối tượng bị tâm thần, hàng tháng được phát thuốc tâm thần miễn phí. Ông là con lớn đã lo liệu mọi việc trong gia đình. Năm 1993-1994 ông Đàm Văn A nuôi cụ S nhưng cụ bị ốm, ông phải đưa cụ đi bệnh viện, sau đó ông đưa cụ về nuôi dưỡng từ đó cho đến nay.

Cụ S có tài sản là 1 sào 10 thước đất ở do tổ tiên để lại, hiện nay ông Đàm Văn A và bà Đàm Thị M mỗi người sử dụng một nửa và 1 sào 10 thước đất nông nghiệp hiện ông đang sử dụng. Việc ông sử dụng thửa đất nông nghiệp của cụ S để nuôi cụ, anh chị em trong gia đình đều đồng ý và thống nhất để ông sang tên thửa đất này nhưng do cụ S bị tâm thần nên không làm được thủ tục sang tên. Do vậy ông đề nghị Tòa án tuyên bố cụ S mất năng lực hành vi dân sự và chỉ định ông là người giám hộ theo quy định cho cụ S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đàm Thị T trình bày: Bà đồng ý với yêu cầu của ông N vì cụ S bị điên từ năm 1971 đến nay. Bà là con gái đi lấy chồng nên không có điều kiện nuôi mẹ, ông N và ông A là con trai ai nuôi cũng được. Ông A nuôi mẹ 2 năm, từ năm 1993 đến năm 1995 nhưng vợ chồng ông để cụ ăn cơm thiêu, chăm sóc không tốt, hiện nay ông A đi xe ôm nên vắng nhà suốt, vợ ông A lại không chu đáo. Ông N nuôi dưỡng cụ nhiều năm nay rất chu đáo, ông N đã nghỉ hưu không vướng bận con cháu nên có điều kiện để chăm sóc tốt cho cụ S nên bà đề nghị để ông N là người giám hộ theo pháp luật cho cụ S. Cụ S chỉ còn tài sản là ruộng nông nghiệp theo tiêu chuẩn.

Bà Đàm Thị M trình bày: Mẹ bà là cụ S bị điên từ năm 1971, các anh chị em chăm sóc mẹ, khi các chị em đi lấy chồng thì cụ ở một mình. Khi ông A từ miền Nam về thì ông nuôi mẹ, đến năm 1996 ông N về công tác gần nhà, ông N

nuôi cho đến nay. Ông N chăm sóc cụ rất chu đáo, ông N đã ly hôn hiện nay đang ở một mình nên việc vệ sinh cho cụ không được tốt. Ông N ăn cơm nhưng không cho cụ ăn cùng, khi ông ăn xong hàng tiếng sau mới cho cụ ăn, bà phải tắm rửa cho cụ. Khi ông N đi vắng khóa cửa, không đưa chìa khóa để các bà đến chăm sóc cụ. Bà đồng ý yêu cầu tuyên bố cụ S mất năng lực hành vi dân sự, bà không đồng ý để ông N là người giám hộ cho cụ S, bà muốn đưa cụ về nhà ông A cho ông A nuôi dưỡng và ông A là người giám hộ cho cụ để bà có điều kiện tắm rửa cho cụ.

Ông Đàm Văn A trình bày: Cụ S phát bệnh điên từ năm 1971. Ông đồng ý với yêu cầu tuyên bố cụ S bị mất năng lực hành vi dân sự. Ông N nuôi cụ từ năm 1996 đến nay. Ông N chăm sóc cụ không được chu đáo lắm, ông cho cụ ăn uống thất thường, khi vắng nhà thì ông khóa cửa nên không ai vào để chăm sóc cụ được, cụ S ốm đau, ông N không mua thuốc thang kịp thời. Gia đình có hợp thống nhất để ông nuôi dưỡng cụ S thời gian cuối đời, khi hợp ông N đồng ý nhưng sau lại không đồng ý. Từ năm 2018 ông và ông N có mâu thuẫn với nhau vì ông N tranh giành đất, ông ít sang nhà ông N nên không có điều kiện chăm sóc mẹ. Ông không đồng ý để ông N là người giám hộ cho cụ S vì ông N sẽ lợi dụng việc này để tranh chấp đất với ông và bà M. Ông đề nghị Tòa án cho ông là người giám hộ cho cụ S.

Ông Đ và bà P là người làm chứng đều khẳng định ông N chăm sóc cụ S rất chu đáo.

Chính quyền thôn H, Trạm y tế và UBND xã T xác định hiện nay cụ S được Nhà nước trợ cấp tiêu chuẩn vợ liệt sỹ, người tàn tật và người cao tuổi, hàng tháng cụ được Trạm y tế xã phát thuốc điều trị tâm thần miễn phí.

Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 111/2019/GĐSKTT ngày 21/8/2019 của Viện pháp y tâm thần Trung Ương kết luận: Tại thời điểm giám định đối tượng Nguyễn Thị S bị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng, theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã F20.5, đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 19/2019/QĐST-DS ngày 19/9/2019, Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 376, 377, 378 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22, Điều 48, Điều 49, Điều 53, Điều 54, Điều 134, Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đàm Văn N.

Tuyên bố cụ Nguyễn Thị S, sinh năm 1933, hộ khẩu thường trú thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên bị mất năng lực hành vi dân sự.

2. Chỉ định ông Đàm Văn N, sinh năm 1958, hộ khẩu thường trú thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên là người giám hộ cho cụ S.

Ông Đàm Văn N có nghĩa vụ chăm sóc, đảm bảo việc điều trị bệnh cho cụ S. Ông N có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của cụ S theo quy định pháp luật.

Ngoài gia còn quyết định về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, về quyền kháng cáo.

Ngày 24/9/2019 ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M kháng cáo không đồng ý quyết định của Tòa án sơ thẩm chỉ định ông Đàm Văn N là người giám hộ cho cụ Nguyễn Thị S. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần quyết định, chỉ định ông Đàm Văn A là người giám hộ cho cụ Nguyễn Thị S.

Tại phiên họp:

Người yêu cầu ông Đàm Văn N vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị giữ nguyên quyết định sơ thẩm. Ông cam kết để các anh chị em luân phiên chăm sóc cụ S.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông N đề nghị Hội đồng phúc thẩm giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M vẫn giữ nguyên kháng cáo, không đồng ý ông N là người giám hộ cho cụ S, đề nghị Tòa án chỉ định ông A là người giám hộ cho cụ S. Ông A, bà M, bà T đồng ý để cụ S ở cùng ông N nhưng ông N phải để cửa để cho các anh chị em sang chăm sóc cụ S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết việc dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kháng cáo của ông A, bà M, bà T là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí. Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý việc dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Ông Đàm Văn N có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ Nguyễn Thị S là người mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ lời khai của ông N, ông A, bà T, bà M là các con của cụ S và những người làm chứng, kết quả xác minh tại địa phương, Trạm y tế xã T và Kết luận giám định sức khỏe tâm thần của Viện

pháp y tâm thần Trung ương. Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định tuyên bố cụ Nguyễn Thị S bị mất năng lực hành vi dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Các đương sự không kháng cáo và không có kháng nghị về vấn đề này nên Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M, Hội đồng phúc thẩm xét thấy:

Cụ Đàm Văn C và cụ Nguyễn Thị S có 05 người con gồm ông N, bà D(đã chết), ông A, bà T, bà M. Cụ C là chồng cụ S đã hy sinh. Cụ S bị mất năng lực hành vi dân sự, các con của cụ S đã không thống nhất với nhau về việc chỉ định người giám hộ. Do vậy Tòa án xem xét chỉ định người giám hộ cho cụ S theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Trường hợp cha và mẹ đều mất năng lực hành vi dân sự hoặc người mất năng lực hành vi dân sự, còn người kia không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con cả là người giám hộ; nếu người con cả không có đủ điều kiện làm người giám hộ thì người con tiếp theo có điều kiện làm người giám hộ là người giám hộ.*

Trong vụ việc này, sau khi cụ S phát bệnh từ năm 1971 thì các con cùng chăm sóc cụ. Khi bà M, bà T lấy chồng, ông N và ông A công tác xa nhà thì cụ S ở một mình, thì thoảng các con đến chăm sóc. Khoảng năm 1993 đến năm 1995 ông A chăm sóc cụ S. Sau đó ông N là con trai cả của cụ S đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ từ năm 1996 cho đến nay. Việc này được chính quyền địa phương và hàng xóm của cụ S là ông Đ và bà P đều khẳng định ông N chăm sóc cụ S rất chu đáo, không thấy có phản ánh gì về việc ông N chăm sóc không tốt hoặc ngược đãi cụ S. Công an xã T đã xác nhận ông N là đảng viên, cán bộ nghỉ hưu, có sức khỏe, đạo đức tốt, chưa từng vi phạm pháp luật, không có tiền án, tiền sự. Do vậy, ông N có đủ điều kiện là người giám hộ cho cụ S theo quy định tại Điều 49 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông A, bà M, bà T kháng cáo cho rằng ông N không có đủ điều kiện chăm sóc cụ S nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã chỉ định ông Đàm Văn N là người giám hộ đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị S để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ là phù hợp theo quy định tại Điều 49, Điều 53, Điều 54, khoản 2 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Ông A, bà M, bà T kháng cáo không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Về lệ phí phúc thẩm:

Ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu lệ phí phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M.

Giữ nguyên Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 19/2019/QĐST-DS ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 376, 377, 378 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 22, Điều 48, Điều 49, Điều 53, Điều 54, Điều 134, Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Đàm Văn N.

Tuyên bố cụ Nguyễn Thị S, sinh năm 1933, hộ khẩu thường trú thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên bị mất năng lực hành vi dân sự.

2. Chỉ định ông Đàm Văn N, sinh năm 1958, hộ khẩu thường trú thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên là người giám hộ cho cụ S.

Ông Đàm Văn N có nghĩa vụ chăm sóc, đảm bảo việc điều trị bệnh cho cụ S. Ông N có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của cụ S theo quy định pháp luật.

3. Về lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông Đàm Văn A, bà Đàm Thị T, bà Đàm Thị M mỗi người phải chịu 300.000đ tiền lệ phí phúc thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đ ông A, bà T, bà M đã nộp theo biên lai số 015950, 0001002, 0001001 cùng ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ông A, bà T, bà M đã nộp đủ lệ phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, THA huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Nga

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Quang Tú Phạm Trung Thực

Vũ Thị Nga